TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **36**/2018/HS-ST
Ngày: 16-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nhung - Giáo viên - Phó hiệu trưởng trường THCS Vạn Thắng, huyện Nông Cống

Bà Lê Thị Xuân - Giáo viên - Phó hiệu trưởng trường THCS Thăng Long huyện Nông Cống

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trịnh Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2018/TLST - HS ngày 19 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Hoàng Văn N, sinh ngày 06 tháng 6 năm 1986 sinh và trú tại: Thôn Tập C, thị trấn N, huyện N1, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn B (Thương Binh hạng 4/4) và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ; có 2 tiền án: - Bản án số 31/2016/HSST ngày 15/6/2016 Tòa án nhân dân huyện Nông Cống phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt ngày 08/7/2017; - Bản án số 01/2014/HSST ngày 14/01/2014 Tòa án nhân dân huyện Nông Cống phạt 15 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" , chấp hành xong hình phạt ngày 01/02/2015; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ 3 ngày, từ ngày 21/5/2018 đến ngày 24/5/2018 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

* *Bị hại:* Nguyễn Huy H, sinh ngày 23/11/2016 (vắng mặt)

Người đại diện của bị hại: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1987 là mẹ đẻ của Nguyễn Huy H (vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn Tập C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hoá

** Người làm chứng:*

- Chị Lê Thị H2, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Trường T1, xã Tế L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

- Bà Lê Thị M, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Tập C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hoá

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ sáng ngày 21/5/2018 bà Lê Thị M, trú tại thôn Tập C, thị trấn N bế cháu Nguyễn Huy H đến nhà bà Nguyễn Thị T cùng thôn chơi. Khi đến nhà bà T thì có Hoàng Văn N (con trai bà T) đang ở nhà. Bà M xuống bếp nói chuyện cùng bà T, còn N bế H vào phòng khách chơi. N phát hiện cháu H có đeo 01 sợi dây chuyền bạc trên cổ nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. N đã tháo sợi dây chuyền bạc của cháu H bỏ vào túi quần và đem đến cửa hàng vàng bạc Huệ Lương ở thị trấn N bán được 160.000đ, đã tiêu sài cá nhân hết. Sau khi bé cháu về, bà M phát hiện sợi dây chuyền bạc của cháu H đã bị mất nên bà đã đến Công an thị trấn Nông Cống trình báo. Đến 13 giờ 30 phút cùng ngày N đã đến Công an huyện Nông Cống xin đầu thú và khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 23/5/2018 Hội đồng định giá tài sản đã định giá và kết luận 01 dây chuyền bạc dài 37 cm gồm các mắt hình bầu dục liên kết với nhau, trọng lượng 4,2 chỉ. Trị giá 189.000đ.

Chị Lê Thị H2 (nhân viên cửa hàng vàng bạc Huệ - Lương) báo cáo: Khi mua sợi dây chuyền, chị không biết đó là tài sản trộm cắp. Sau khi được biết đó là tài sản trộm cắp, chị đã giao nộp cho Công an huyện Nông Cống. Số tiền 160.000đ chị không có yêu cầu N phải bồi hoàn.

Đại diện bị hại báo cáo: Ngày 21/5/2018 Hoàng Văn N đã trộm của cháu H 1 sợi dây chuyền bạc. Gia đình đã nhận lại và không có yêu cầu gì, Về trách nhiệm hình sự đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại Bản cáo trạng số 35/CT-VKS ngày 19/6/2018 Viện kiểm sát nhân dân (Sau đây viết tắt là VKSND) huyện Nông Cống truy tố bị cáo Hoàng Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.
- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 9 tháng đến 12 tháng tù. Miễn hình phạt

bổ sung cho bị cáo. Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên không đề nghị xem xét; về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm (sau đây viết tắt là HSST).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nông Cống, Điều tra viên, VKSND huyện Nông Cống, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ gồm: Lời khai bị cáo quá trình điều tra, lời khai bị hại, người làm chứng. Như vậy, đã chứng minh vào khoảng 7 giờ 30 phút ngày 21/5/2018 tại nhà bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ Hoàng Văn N) thôn Tập C, thị trấn N, huyện N bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 sợi dây chuyền bạc 4,2 chỉ của cháu Nguyễn Huy H. Giá trị tài sản trộm cắp đã được Hội đồng định giá huyện Nông Cống xác định là 189.000đ. Tuy giá trị tài sản trộm cắp dưới 2.000.000đ nhưng trước đó bị cáo đã có 01 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" và 1 tiền án về tội "Cướp giật tài sản" chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp định khung hình phạt quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS. Vì vậy, VKSND huyện Nông Cống truy tố bị cáo theo điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS là đúng người, đúng tội, phù hợp pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của tội phạm như sau: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an địa bàn. Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Vì vậy, cần xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục bị cáo và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo có 1 tình tiết tăng nặng phạm tội đối với người dưới 16 tuổi quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 BLHS và có các tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, đầu thú quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo xét thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, để giáo dục bị cáo thành người tốt và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án và không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí HSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản"

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS:

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn N 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 21/5/2018.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí HSST.

Án xử công khai có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại và người đại diện của bị hại. Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện của bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại; người đại diện;
- VKS huyện Nông Cống;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬSƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Văn Tình